

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0500578254 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 07 (bảy) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 24 tháng 03 năm 2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Tạ Thị Nga	Thành viên
Ông Chu Ngọc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Đạt	Thành viên
Ông Trịnh Đắc Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Việt Cường	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 28/04/2017)
Bà Bùi Thị Lệ Thúy	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 28/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty có Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY
PHÚ THÀNH

Nguyễn Việt Tùng

Số: MD /2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Phú Thành tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.714.340.739	100.714.586.638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	438.867.915	2.720.800.801
1. Tiền	111		438.867.915	2.720.800.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.396.041.527	59.602.365.316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	25.888.965.505	27.215.021.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	33.379.732.612	31.418.885.353
3. Các khoản phải thu khác	136	5.6	266.863.610	1.010.314.999
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.3	(139.520.200)	(41.856.060)
III. Hàng tồn kho	140	5.7	35.042.916.213	34.575.859.028
1. Hàng tồn kho	141		35.096.235.197	34.575.859.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(53.318.984)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.836.515.084	3.815.561.493
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	252.896.503	116.203.518
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.581.715.176	3.697.454.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.903.405	1.903.404
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.997.873.777	146.298.996.009
I. Tài sản cố định	220		26.789.668.962	28.269.915.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	26.789.668.962	28.269.915.774
- Nguyên giá	222		30.758.368.556	30.653.914.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.968.699.594)	(2.383.998.237)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	111.620.000.000	108.420.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		75.000.000.000	75.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.200.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.420.000.000	33.420.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.588.204.815	9.609.080.235
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.588.204.815	9.609.080.235
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		242.712.214.516	247.013.582.647

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

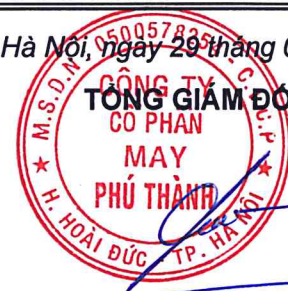
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.636.218.964	85.256.579.082
I. Nợ ngắn hạn	310		71.052.430.917	72.602.791.035
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	22.833.424.658	28.607.043.400
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.685.000.009	1.011.615.940
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.099.245.904	2.729.091.057
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	430.000.000	160.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	98.783.989	43.094.964
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	40.924.698.428	39.470.667.745
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	581.277.929
II. Nợ dài hạn	330		11.583.788.047	12.653.788.047
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	11.583.788.047	12.653.788.047
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.075.995.552	161.757.003.565
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	160.075.995.552	161.757.003.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.393.439.694	5.074.447.707
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.847.707	2.498.761.421
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.384.591.987	2.575.686.286
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		242.712.214.516	247.013.582.647

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.019.139.886	32.441.717.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	87.274
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.019.139.886	32.441.630.724
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	40.155.045.665	27.835.538.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.864.094.221	4.606.092.032
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	684.667	474.574.843
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.196.324.822	978.302.736
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.187.287.847	949.941.715
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	355.399.564	137.701.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	1.125.446.204	942.404.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.187.608.298	3.022.258.527
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.947	2.000.106
12. Chi phí khác	32	6.7	765.499.131	638.688
13. Lợi nhuận khác	40		(765.497.184)	1.361.418
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.422.111.114	3.023.619.945
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.037.519.127	613.222.939
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.384.591.987	2.410.397.006
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		218	251

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.422.111.114	3.023.619.945
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.584.701.357	479.579.063
- Các khoản dự phòng	03	150.983.124	41.856.060
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	4	(9.036.975)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	684.667	(474.574.843)
- Chi phí lãi vay	06	2.187.287.847	949.941.715
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.336.731.134	4.020.421.940
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.072.066.684	(17.559.214.975)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(520.376.169)	(11.504.507.310)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.381.909.928)	17.930.624.499
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.884.182.435	(82.297.528)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.187.287.847)	(949.941.715)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.900.000.000)	(380.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.303.406.309	(8.524.915.089)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(104.454.545)	(10.143.256.556)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.200.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	684.667	474.574.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.303.769.878)	(6.168.681.713)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.025.698.428	26.784.101.806
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.641.667.745)	(12.629.423.244)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.665.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.281.569.317)	14.154.678.562
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.281.932.886)	(538.918.240)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.720.800.801	2.947.250.305
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	438.867.915	2.408.332.065

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÚ THÀNH

H. HOÀI ĐỨC



Nguyễn Việt Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 07 (bảy) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 24 tháng 3 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 155.520.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng	Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm

4.6.2. Tài sản cố định vô hình

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:
Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và bán trong nước nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty là 0% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	Đơn vị tính: VND 01/01/2017
Tiền mặt	122.385.647	1.428.869.343
Tiền gửi ngân hàng	316.482.268	1.291.931.458
- Tiền gửi ngân hàng VND	304.889.973	1.282.188.398
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	281.085.172	1.211.662.228
NH TNHH Indovina	1.624.406	2.541.641
NH TMCP Quân đội		890.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội		2.567.119
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.545.654	37.561.347
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	2.976.201	639.710
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.004.102	1.001.821
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	6.567.353	6.567.353
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.509.023	15.743.598
NH VP bank	4.593.640	502.788
NHTMCP Quốc dân - CN Hà Nội	1.984.422	2.510.793
- Tiền gửi ngân hàng USD	11.592.295	9.743.060
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8.609.448	8.609.448
NH TNHH Indovina	224.700	224.700
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	908.912	908.912
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	1.849.235	-
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	438.867.915	2.720.800.801

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNHĐịa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a-DN

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	111.620.000.000	(*)	108.420.000.000	(*)	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.200.000.000	(*)			
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam- tỷ lệ sở hữu 48 %	3.200.000.000	(*)			
- Đầu tư vào Công ty con	75.000.000.000	(*)	75.000.000.000	(*)	
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng - tỷ lệ sở hữu 87,5%	75.000.000.000	(*)	75.000.000.000	(*)	
- Đầu tư vào công ty khác	33.420.000.000	(*)	33.420.000.000	(*)	
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15%	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)	
Công ty CP Dệt may Supertex- tỷ lệ sở hữu 19%	3.420.000.000	(*)	3.420.000.000	(*)	
Cộng	111.620.000.000	(*)	108.420.000.000	(*)	

(*) Xem Thuyết minh mục (iv) - Giá trị hợp lý, 8.1- Công cụ tài chính

5.3. Nợ xấu

Đối tượng	Thời gian quá hạn	30/06/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	Trên 03 năm	139.520.200	-	(139.520.200)	139.520.200
Cộng		139.520.200	-	(139.520.200)	139.520.200
					97.664.140
					(41.856.060)
					(41.856.060)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2017</u>	<u>01-01-16</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	25.888.965.505	27.215.021.024
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	17.992.882.464	16.911.377.606
<i>Công ty CP Đầu tư K&G Việt Nam</i>	7.455.170.412	5.203.356.996
<i>Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam</i>	4.216.758.432	6.923.508.914
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh</i>	2.785.173.856	2.955.173.856
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng</i>	3.535.779.764	1.829.337.840
Phải thu khách hàng khác	7.896.083.041	10.303.643.418
Cộng	<u>25.888.965.505</u>	<u>27.215.021.024</u>
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng</i>	3.535.779.764	1.829.337.840
Cộng	<u>3.535.779.764</u>	<u>1.829.337.840</u>

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	19.977.725.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	10.000.000.000	10.000.000.000
Các công ty khác	3.402.007.612	11.418.885.353
Cộng	<u>33.379.732.612</u>	<u>31.418.885.353</u>
Trả trước người bán là bên liên quan		
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng</i>	2.093.259.300	1.043.259.300
Cộng	<u>2.093.259.300</u>	<u>1.043.259.300</u>

5.6 Phải thu khác và phải thu về cho vay

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	266.863.610		1.010.314.999	
- Phải thu khác	-		163.451.389	
- Tạm ứng	266.863.610		846.863.610	
<i>Ông Nguyễn Viết Tùng</i>	181.949.610		181.949.610	
<i>Các cá nhân khác</i>	84.914.000		664.914.000	
Tạm ứng là các bên liên quan	181.949.610		181.949.610	
<i>Ông Nguyễn Viết Tùng</i>	181.949.610		181.949.610	
b) Dài hạn	-		-	
Cộng	<u>266.863.610</u>		<u>1.010.314.999</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				-
Nguyên vật liệu	6.911.716.830	-	19.795.715.941	-
Công cụ, dụng cụ	336.382.718		329.742.740	-
Chi phí SXKD dở dang	79.516.290		131.505.051	-
Thành phẩm nhập kho	16.068.862.830	53.318.984	4.614.723.695	-
Hàng hóa	11.699.756.529		9.704.171.601	-
Cộng	35.096.235.197	53.318.984	34.575.859.028	-

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiên trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	31.400.000	27.347.634.011	3.274.880.000	30.653.914.011
Tăng trong kỳ	-	104.454.545	-	104.454.545
- Mua trong kỳ		104.454.545		104.454.545
Giảm trong kỳ	-	-		-
Số dư cuối kỳ	31.400.000	27.452.088.556	3.274.880.000	30.758.368.556
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.169.073	2.353.538.497	27.290.667	2.383.998.237
- Số khấu hao trong kỳ	5.233.332	1.415.724.023	163.744.002	1.584.701.357
Số dư cuối kỳ	8.402.405	3.769.262.520	191.034.669	3.968.699.594
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	28.230.927	24.994.095.514	3.247.589.333	28.269.915.774
2. Tại ngày cuối kỳ	22.997.595	23.682.826.036	3.083.845.331	26.789.668.962

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 0 VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả là 23.461.506.011 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tính: VND

	Trong kỳ					Số có khả năng trả nợ
	30/06/2017	01/01/2017				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	40.924.698.428	40.924.698.428	41.025.698.428	39.571.667.745	39.470.667.745	39.470.667.745
Vay ngân hàng VND	40.924.698.428	40.924.698.428	41.025.698.428	39.571.667.745	39.470.667.745	39.470.667.745
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đông Đô (1)	2.945.626.000	2.945.626.000	3.036.626.000	91.000.000	-	-
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (2)	17.996.290.392	17.996.290.392	18.006.290.392	19.230.765.211	19.220.765.211	19.220.765.211
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Ngô Quyền (3)	-	-	-	333.400.000	333.400.000	333.400.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (4)	19.982.782.036	19.982.782.036	19.982.782.036	19.916.502.534	19.916.502.534	19.916.502.534
Vay các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	11.583.788.047	11.583.788.047	-	1.070.000.000	12.653.788.047	12.653.788.047
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (5)	2.753.713.500	2.753.713.500	-	370.000.000	3.123.713.500	3.123.713.500
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (6)	1.530.074.547	1.530.074.547	-	700.000.000	2.230.074.547	2.230.074.547
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (7)	7.300.000.000	7.300.000.000	-	-	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	52.508.486.475	52.508.486.475	41.025.698.428	40.641.667.745	52.124.455.792	52.124.455.792

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 220517-2628713-01-SME ngày 31 tháng 5 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Đông Đô, hạn mức tín dụng 3 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2018, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/6700554/HĐTD ngày 19 tháng 06 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 18 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.9 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

(3) Hợp đồng tín dụng số 012216-030216-01-SME ngày 03 tháng 02 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Ngô Quyền, hạn mức tín dụng 2 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/02/2016, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(4) Hợp đồng số 55/CTD/KHDN/VCBHT-MPT ngày 18 tháng 07 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

(4) Hợp đồng tín dụng số 66/HM/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 04 tháng 08 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư, 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Khánh.

(5) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD ngày 05 tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.

(6) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần Sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần Sịp.

(7) Hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 07 tháng 09 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

5.10 Tài sản khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a) Ngắn hạn	252.896.503	116.203.518
- Chi phí mua bảo hiểm	131.475.084	55.534.388
- Chi phí khác	121.421.419	60.669.130
b) Dài hạn	6.588.204.815	9.609.080.235
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	403.276.279	528.151.699
- Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	6.184.928.536	9.080.928.536
Cộng	<u>6.841.101.318</u>	<u>9.725.283.753</u>

5.11 Phải trả người bán

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	22.833.424.658	22.833.424.658	28.607.043.400	28.607.043.400
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	20.214.436.150	20.214.436.150	24.948.776.521	24.948.776.521
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	20.214.436.150	20.214.436.150	24.948.776.521	24.948.776.521
Các khoản phải trả người bán khác	2.618.988.508	2.618.988.508	3.658.266.879	3.658.266.879
Cộng	<u>22.833.424.658</u>	<u>22.833.424.658</u>	<u>28.607.043.400</u>	<u>28.607.043.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.11 Phải trả người bán (tiếp)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
<i>Công ty CP Delex Việt Nam</i>	-	-	469.200.000	-
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	350.000.000	350.000.000	350.000.000	-
Cộng	350.000.000	350.000.000	819.200.000	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng</i>	20.214.436.150	20.214.436.150	24.948.776.521	24.948.776.521
Cộng	20.214.436.150	20.214.436.150	24.948.776.521	24.948.776.521

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Đầu tư Amy Việt Nam	-	113.602.440
Công ty TNHH Nam Việt	638.738.452	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868.000.000	868.000.000
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc VTC	264.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại H&P Việt Nam	396.278.486	-
Công ty TNHH Malis Việt Nam	537.626.660	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Mai	267.374.971	-
Các công ty khác	712.981.440	30.013.500
Cộng	3.685.000.009	1.011.615.940

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	2.729.091.057	1.037.519.127	1.900.000.000	1.866.610.184
- Thuế TNCN	-	232.635.720	-	232.635.720
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	539.490.631	539.490.631	-
Cộng	2.729.091.057	1.812.645.478	2.442.490.631	2.099.245.904
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT nộp thừa	1.903.405	-	-	1.903.405
Cộng	1.903.405	-	-	1.903.405

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	430.000.000	160.000.000
<i>Chi phí kiểm toán</i>	200.000.000	160.000.000
- Các khoản trích trước khác	230.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	430.000.000	160.000.000

5.15 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	98.783.989	43.094.964
- Bảo hiểm xã hội	90.800.144	34.917.236
- Bảo hiểm y tế	5.554.247	5.671.166
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.429.598	2.506.562
Cộng	98.783.989	43.094.964

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5.16 . Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	96.000.000.000					2.498.761.421	98.498.761.421
Tăng vốn năm trước	59.520.000.000						59.520.000.000
Lãi trong năm trước						2.575.686.286	2.575.686.286
Tăng khác				-	1.162.555.858		1.162.555.858
<i>Trích lập các quỹ</i>					1.162.555.858		1.162.555.858
Giảm vốn trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	155.520.000.000	-	-	-	1.162.555.858	5.074.447.707	161.757.003.565
Tăng vốn trong kỳ							-
Lãi trong kỳ						3.384.591.987	3.384.591.987
Tăng khác							-
Giảm khác (*)						5.065.600.000	5.065.600.000
<i>Trích lập các quỹ</i>						400.000.000	400.000.000
<i>Chia cổ tức</i>						4.665.600.000	4.665.600.000
Số dư cuối kỳ	155.520.000.000	-	-	-	1.162.555.858	3.393.439.694	160.075.995.552

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 2804/NQ-ĐHĐCĐ-MPT ngày 28 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2017NQ-HĐQT-MPT ngày 02 tháng 5 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
Cộng		155.520.000.000	155.520.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	155.520.000.000	96.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	155.520.000.000	96.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.665.600.000	

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.384.591.987	2.410.397.006
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	218	251

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2017	01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858

5.17 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự giải trình, thuyết minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán, gia công quần áo, bít tất	27.761.037.310	17.848.372.318
- Doanh thu bán các loại sợi, vải	19.466.132.486	9.378.969.500
- Doanh thu bán hàng hóa khác	1.791.970.090	5.214.376.180
Cộng	49.019.139.886	32.441.717.998
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng	4.785.777.640	2.204.880.000
Cộng	4.785.777.640	2.204.880.000

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Hàng bán bị trả lại	-	87.274
Cộng	-	87.274

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
- Giá vốn bán, gia công quần áo	21.172.378.902	14.409.625.576
- Giá vốn bán các loại sợi	17.830.165.045	8.566.454.370
- Giá vốn bán hàng hóa khác	1.152.501.718	4.859.458.746
Cộng	40.155.045.665	27.835.538.692

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	684.667	474.574.843
Cộng	684.667	474.574.843

6.5 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lãi tiền vay	2.187.287.847	949.941.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.036.975	28.361.021
Cộng	2.196.324.822	978.302.736

6.6 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
- Các khoản thu nhập khác	1.947	2.000.106
Cộng	1.947	2.000.106

6.7 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
- Các khoản lãi nộp chậm	765.499.131	636.379
- Các khoản chi phí khác		2.309
Cộng	765.499.131	638.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	1.125.446.204	942.404.248
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	553.962.543	542.731.897
+ Chi phí nhân công quản lý	302.433.731	252.830.000
+ Chi phí trả trước, khấu hao	251.528.812	289.901.897
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	571.483.661	399.672.351
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	355.399.564	137.701.364
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	142.566.832	98.198.000
+ Chi phí nhân công	142.566.832	98.198.000
- Chi phí bán hàng khác	212.832.732	39.503.364
Cộng	1.480.845.768	1.080.105.612

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.422.111.114	3.023.619.945
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	765.484.522	42.494.748
Thu nhập chịu thuế	5.187.595.636	3.066.114.693
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.037.519.127	613.222.939

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.016.887.449	14.787.891.931
Chi phí nhân công	1.895.388.451	1.667.082.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.584.701.357	479.579.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.230.459	1.280.484.410
Chi phí bằng tiền khác	2.059.456.764	177.739.709
Cộng	38.249.664.480	18.392.777.113

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Đơn vị tính: VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	41.025.698.428
7.2 Số tiền thực tế trả gốc vay trong kỳ	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	40.641.667.745

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro về việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	438.867.915		438.867.915
Phải thu khách hàng	25.888.965.505		25.888.965.505
Đầu tư	-	111.620.000.000	111.620.000.000
Phải thu khác	266.863.610	-	266.863.610
Tài sản tài chính khác	2.836.515.084	6.588.204.815	9.424.719.899
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	(139.520.200)		(139.520.200)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	29.291.691.914	118.208.204.815	147.499.896.729
Ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ	40.924.698.428	11.583.788.047	52.508.486.475
Phải trả người bán	22.833.424.658		22.833.424.658
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	528.783.989		528.783.989
Tổng cộng	63.758.123.086		63.758.123.086
Chênh lệch thanh khoản thuần	(34.466.431.172)	118.208.204.815	83.741.773.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ngày 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.720.800.801		2.720.800.801
Phải thu khách hàng	27.215.021.024		27.215.021.024
Đầu tư	-	108.420.000.000	108.420.000.000
Phải thu khác	1.010.314.999	-	1.010.314.999
Tài sản tài chính khác	3.815.561.493	9.609.080.235	13.424.641.728
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	(41.856.060)		(41.856.060)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	34.719.842.257	118.029.080.235	152.748.922.492
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	39.470.667.745	12.653.788.047	52.124.455.792
Phải trả người bán	28.607.043.400		28.607.043.400
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	203.094.964		203.094.964
Tổng cộng	68.280.806.109	12.653.788.047	80.934.594.156
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33.560.963.852)	105.375.292.188	71.814.328.336

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30-06-17	01-01-17	30-06-17	01-01-17
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	111.620.000.000	108.420.000.000	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	<i>26.155.829.115</i>	<i>28.225.336.023</i>	<i>26.016.308.915</i>	<i>28.183.479.963</i>
<i>Tài sản tài chính khác</i>	<i>9.424.719.899</i>	<i>13.424.641.728</i>	<i>9.424.719.899</i>	<i>13.424.641.728</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>438.867.915</i>	<i>2.720.800.801</i>	<i>438.867.915</i>	<i>2.720.800.801</i>
Tổng cộng	147.639.416.929	152.790.778.552	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	52.508.486.475	52.124.455.792	52.508.486.475	52.124.455.792
Phải trả người bán	22.833.424.658	28.607.043.400	22.833.424.658	28.607.043.400
Phải trả khác	528.783.989	203.094.964	528.783.989	203.094.964
Tổng cộng	75.870.695.122	80.934.594.156	75.870.695.122	80.934.594.156

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: bán và gia công quần áo, bán các loại sợi và hạt nhựa. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Quần áo, bít tất	Sợi, vải các loại	Hàng hóa khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016				
Doanh thu	17.848.372.318	9.378.969.500	5.214.376.180	32.441.717.998
Các khoản giảm trừ	87.274	-	-	87.274
Giá vốn hàng bán	14.409.625.576	8.566.454.370	4.859.458.746	27.835.538.692
Lợi nhuận gộp	3.438.659.468	812.515.130	354.917.434	4.606.092.032
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Doanh thu	27.761.037.310	19.466.132.486	1.791.970.090	49.019.139.886
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	21.172.378.902	17.830.165.045	1.152.501.718	40.155.045.665
Lợi nhuận gộp	6.588.658.408	1.635.967.441	639.468.372	8.864.094.221

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Quần áo, bít tất	Sợi, vải các loại	Hàng hóa khác	Tổng cộng
30-06-17				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	53.411.550.065	37.452.358.075	3.447.706.190	94.311.614.330
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				148.400.600.186
Tổng tài sản				242.712.214.516
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.018.194.491	10.530.808.355	969.421.821	26.518.424.667
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				56.117.794.297
Tổng nợ phải trả				82.636.218.964
01-01-17				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.280.964.736	26.947.140.928	14.981.659.741	93.209.765.405
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				153.803.817.242
Tổng tài sản				247.013.582.647
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.295.217.765	8.562.817.253	4.760.624.322	29.618.659.340
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				55.637.919.742
Tổng nợ phải trả				85.256.579.082

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.6 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan:

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty con
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty CP Đầu tư NHP	Công ty đầu tư góp vốn
Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài thuyết minh các bên liên quan nêu trên, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trọng giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thu tiền bán hàng	3.557.913.480
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Mua hàng	29.045.039.635
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Trả tiền mua hàng	36.683.883.970
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Mua hàng	1.109.564.000
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Trả tiền mua hàng	2.270.520.400
Ông Nguyễn Viết Tùng	Ủy thác quản lý vốn (vay ông Tùng)	2.650.000.000
	Trả tiền ủy thác quản lý vốn (trả tiền vay ông Tùng)	2.650.000.000

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</u>
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	71.295.000	78.045.000
Thù lao và thưởng của HĐQT	204.000.000	-
Cộng	275.295.000	78.045.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

MAY PHÚ THÀNH

H. HOÀI ĐỨC TP. HÀ NỘI

Nguyễn Viết Tùng